| BỘ TÀI CHÍNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 16234/BTC-PTHT<br>V/v Thực hiện chế độ báo cáo nhanh theo tuần tình hình phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 – lũy kế đến hết ngày 16/10/2025 | *Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2025* |

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công điện số 169/CĐ-TTg ngày 21/9/2025 về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2025, Bộ Tài chính báo cáo nhanh tình hình phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) - lũy kế đến hết ngày 16/10/2025 như sau:

**1. Kế hoạch đầu tư công nguồn NSNN năm 2025**

**1.1.** Tổng kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao[1] là **897.253,3** tỷ đồng (bao gồm: vốn NSTW là 421.526 tỷ đồng và vốn NSĐP là 475.727,3 tỷ đồng). Trong đó:

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm là **825.922,3 tỷ đồng** (bao gồm: vốn NSTW là 350.195 tỷ đồng và vốn NSĐP là 475.727 tỷ đồng).

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2025 được giao bổ sung là **71.331** tỷ đồng (bao gồm: **2.498,3** tỷ đồng vốn CTMTQG; **62.192,3** tỷ đồng[2] từ nguồn tăng thu NSTW năm 2024).

**1.2.** Kế hoạch vốn cân đối NSĐP năm 2025 các địa phương giao tăng so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (theo số liệu cập nhật đến thời điểm báo cáo) là **163.455,4** tỷ đồng.

Như vậy, tổng kế hoạch giao năm 2025 đến thời điểm báo cáo (kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, kế hoạch vốn cân đối địa phương giao tăng) là **1.060.708,7** tỷ đồng.

---

[1] Tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024; số 154/QĐ-TTg ngày 04/12/2024; số 1148/QĐ-TTg ngày 13/06/2025; số 1411/QĐ-TTG ngày 29/6/2025; số 1566/QĐ-TTg ngày 19/7/2025; số 134/QĐ-TTg ngày 19/7/2025; số 1839/QĐ-TTg ngày 26/8/2025; số 170/QĐ-TTg ngày 28/8/2025; số 185/QĐ-TTg ngày 17/9/2025; số 2137/QĐ-TTg ngày 26/9/2025; số 2173/QĐ-TTg ngày 05/10/2025. số 2231/QĐ-TTg ngày 09/10/2025.

[2] Trong đó: **so với thời điểm báo cáo tuần trước, tăng thêm 6.640,4 tỷ đồng mới được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung từ nguồn tăng thu NSTW năm 2024** để thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới.

**1.3. Kế hoạch phân bổ:**

Tổng số vốn đã phân bổ là **1.034.506,1 tỷ đồng** (bao gồm NSTW là 395.416,2 tỷ đồng, NSĐP là 639.089,9 tỷ đồng). Nếu không tính số kế hoạch vốn cân đối NSĐP các địa phương giao tăng (**163.455,4 tỷ đồng**), tổng số vốn đã phân bổ là **871.050,7 tỷ đồng**, đạt **97,1%** kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ đã giao.

Tổng số vốn còn lại chưa phân bổ chi tiết là **26.202,6 tỷ đồng** (bao gồm NSTW là 26.109,8 tỷ đồng, NSĐP là 92,8 tỷ đồng), chiếm **2,9%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Phần lớn số vốn chưa phân bổ nêu trên do: (i) **19.086,7 tỷ đồng** mới được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương từ nguồn tăng thu NSTW năm 2024 (chiếm **72,8%** tổng số vốn chưa phân bổ); (ii) **4.696,8 tỷ đồng** đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2025 giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

**2. Về giải ngân vốn kế hoạch năm 2025:**

- Số giải ngân thực tế từ đầu năm đến hết ngày **09/10/2025** là **447.191,9** tỷ đồng, đạt **50,2%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao tính đến thời điểm báo cáo tuần trước (**890.612,9** tỷ đồng).

- Số giải ngân thực tế từ đầu năm đến hết ngày **16/10/2025** là **454.946,6** tỷ đồng, đạt **50,7%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao tính đến thời điểm báo cáo (**897.253,3** tỷ đồng) (**tăng 7.754,7** tỷ đồng so với tuần trước). **Nếu so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao tính đến thời điểm báo cáo tuần trước,** tỷ lệ giải ngân đạt khoảng **51,04%.**

*(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)*

Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Phó TTgCP Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các đơn vị: NSNN, KTN, KTĐP, ĐCTC, VI, KBNN, QLN, KHTC, CNTT;
- Lưu: VT; PTHT (4b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Đỗ Thành Trung**

**Phụ lục**

**LŨY KẾ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 ĐẾN HẾT NGÀY 16/10/2025**
**(SẮP XẾP TỪ CAO ĐẾN THẤP)**

*(Kèm theo công văn số: 16234 /BTC-PTHT ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Bộ, cơ quan TW và địa phương | Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao | Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến hết ngày 16/10/2025 | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số vốn | Tỷ lệ so với kế hoạch TTCP giao | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4/3 | 6 |
| + | **TỔNG SỐ (A)+(B) (I)+(II)** | **897.253.266** | **454.946.586** | **50,7%** | |
| | **BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG** | **206.331.954** | **89.318.532** | **43,3%** | |
| 1 | Ngân hàng phát triển | 5.030.000 | 5.030.000 | 100,0% | |
| 2 | Ngân hàng Chính sách xã hội | 5.875.100 | 5.583.600 | 95,0% | |
| 3 | Văn phòng Trung ương Đảng | 900.755 | 808.319 | 89,7% | |
| 4 | Tổng liên đoàn LĐVN | 144.104 | 124.823 | 86,6% | |
| 5 | Đài Tiếng nói Việt Nam | 101.747 | 71.308 | 70,1% | |
| 6 | Tập đoàn Điện lực | 2.526.160 | 1.586.962 | 62,8% | |
| 7 | Bộ Quốc phòng | 39.562.390 | 21.432.438 | 54,2% | |
| 8 | Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC) | 4.000.000 | 2.111.852 | 52,8% | |
| 9 | Hội Liên hiệp phụ nữ VN | 195.764 | 102.511 | 52,4% | |
| 10 | Kiểm toán nhà nước | 6.367 | 2.966 | 46,6% | |
| 11 | Viện KSND tối cao | 275.050 | 125.755 | 45,7% | |
| 12 | Đài Truyền hình VN | 191.530 | 82.182 | 42,9% | |
| 13 | Bộ Xây dựng | 82.555.368 | 34.262.145 | 41,5% | Nếu không tính 522,6 tỷ đồng mới được điều chỉnh giảm tại Quyết định số 2273/QĐ-TTg ngày 16/10/2025, tỷ lệ giải ngân của Bộ XD là 41,8% |
| 14 | Bộ Tư pháp | 830.116 | 330.338 | 39,8% | |
| 15 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | 23.381.367 | 8.163.808 | 34,9% | Nếu không tính 2.581,55 tỷ đồng mới được điều chỉnh giảm tại Quyết định số 2273/QĐ-TTg ngày 16/10/2025, tỷ lệ giải ngân của Bộ NN&MT là 39,2% |
| 16 | Đại học Quốc gia TP HCM | 2.201.495 | 754.120 | 34,3% | |
| 17 | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch | 2.085.893 | 705.336 | 33,8% | |
| 18 | Thanh tra Chính phủ | 2.611 | 862 | 33,0% | |
| 19 | Bộ Công an | 13.857.439 | 4.409.111 | 31,8% | Bộ Công an được giao bổ sung 9.766,5 tỷ đồng từ nguồn tăng thu NSTW năm 2024 (gấp 2,4 lần kế hoạch giao đầu năm). |
| 20 | Bộ Nội vụ | 100.822 | 31.658 | 31,4% | |
| 21 | Liên minh HTX VN | 107.016 | 32.327 | 30,2% | |
| 22 | Đại học Quốc gia Hà Nội | 1.499.936 | 446.499 | 29,8% | |
| 23 | Viện Khoa học xã hội Việt Nam | 216.868 | 57.989 | 26,7% | |
| 24 | Toà án nhân dân tối cao | 1.220.999 | 318.458 | 26,1% | |
| 25 | Bộ Giáo dục và ĐT | 3.198.131 | 828.701 | 25,9% | |
| 26 | Ngân hàng nhà nước | 194.800 | 48.850 | 25,1% | Nếu không tính 30 tỷ đồng mới được điều chỉnh giảm tại Quyết định số 2273/QĐ-TTg ngày 16/10/2025, tỷ lệ giải ngân của NHNN là 29,6% |
| 27 | Thông tấn xã VN | 87.880 | 21.710 | 24,7% | |

| STT | Bộ, cơ quan TW và địa phương | Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao | Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến hết ngày 16/10/2025 | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số vốn | Tỷ lệ so với kế hoạch TTCP giao | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4/3 | 6 |
| 28 | Bộ Tài chính | 2.109.299 | 484.826 | 23,0% | Nếu không tính 688 tỷ đồng mới được điều chỉnh giảm tại Quyết định số 2273/QĐ-TTg ngày 16/10/2025, tỷ lệ giải ngân của Bộ Tài chính là 34,1% |
| 29 | Bộ Công thương | 423.506 | 76.295 | 18,0% | |
| 30 | Học viện Chính trị - Hành chính QG HCM | 706.337 | 120.543 | 17,1% | |
| 31 | Viện Khoa học công nghệ Việt Nam | 2.459.277 | 289.714 | 11,8% | |
| 32 | Bộ Y tế | 7.242.270 | 751.856 | 10,4% | |
| 33 | Bộ Ngoại giao | 508.883 | 38.152 | 7,5% | |
| 34 | Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 409.583 | 18.744 | 4,6% | |
| 35 | Bộ Khoa học và Công nghệ | 923.342 | 32.848 | 3,6% | Nếu không tính 727,6 tỷ đồng mới được điều chỉnh giảm tại Quyết định số 2273/QĐ-TTg ngày 16/10/2025, tỷ lệ giải ngân của Bộ Khoa học và Công nghệ đạt 16,8% |
| 36 | Bộ Dân tộc và tôn giáo | 906.470 | 30.700 | 3,4% | |
| 37 | UB Trung ương Mặt trận TQVN | 171.084 | 225 | 0,1% | Kế hoạch năm 2025 chỉ có 01 dự án, tuy nhiên dự án phải dừng thực hiện theo ý kiến của Tổng Bí thư tại văn bản số 3752-CV/VPTWĐ/nb ngày 22/02/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng |
| 38 | Văn phòng Chủ tịch nước | 14.990 | - | 0,0% | Kế hoạch năm 2025 chỉ có 01 dự án, đề xuất điều chỉnh giảm toàn bộ kế hoạch vốn do điều chuyển dự án sang Văn phòng Trung ương Đảng |
| 39 | Văn phòng Chính phủ | 74.933 | - | 0,0% | VPCP đã hoàn thiện thủ tục đầu tư 02 dự án và đang quyết toán 01 dự án; cam kết đến hết tháng 12/2025 sẽ hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao |
| 40 | Văn phòng Quốc hội | 9.558 | - | 0,0% | Kế hoạch năm 2025 chỉ có 01 dự án, đề xuất điều chỉnh giảm toàn bộ kế hoạch vốn do UBTVQH phê duyệt thay đổi mục tiêu đầu tư của dự án theo hướng thuê dịch vụ là chủ yếu, sử dụng vốn chi thường xuyên thay cho vốn đầu tư công |
| 41 | Hội Nông dân VN | 9.019 | - | 0,0% | |
| 42 | Liên Hiệp các hội Văn học Nghệ thuật VN | 13.695 | - | 0,0% | |
| | | | | | |
| | **ĐỊA PHƯƠNG** | **690.921.312** | **365.628.054** | **52,9%** | |
| 1 | Hà Tĩnh | 4.735.346 | 5.213.104 | 110,1% | |
| 2 | Ninh Bình | 28.462.123 | 26.673.255 | 93,7% | |
| 3 | Thanh Hoá | 13.900.727 | 12.457.600 | 89,6% | |
| 4 | Lào Cai | 9.005.031 | 7.099.703 | 78,8% | |
| 5 | Thái Nguyên | 8.997.006 | 6.775.083 | 75,3% | |
| 6 | Phú Thọ | 18.727.037 | 13.374.557 | 71,4% | |
| 7 | Bắc Ninh | 15.065.560 | 10.575.533 | 70,2% | |
| 8 | Thành phố Hải Phòng | 35.893.200 | 24.393.145 | 68,0% | |

| STT | Bộ, cơ quan TW và địa phương | Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao | Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến hết ngày 16/10/2025 | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số vốn | Tỷ lệ so với kế hoạch TTCP giao | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4/3 | 6 |
| 9 | Gia Lai | 14.863.773 | 9.780.715 | 65,8% | |
| 10 | Tây Ninh | 15.827.292 | 10.183.345 | 64,3% | |
| 11 | Đồng Tháp | 14.064.741 | 8.072.428 | 57,4% | |
| 12 | Thành phố Huế | 5.005.462 | 2.738.047 | 54,7% | |
| 13 | Nghệ An | 10.897.017 | 5.806.529 | 53,3% | |
| 14 | TP Hồ Chí Minh | 118.948.861 | 62.316.303 | 52,4% | |
| 15 | Lạng Sơn | 6.513.290 | 3.335.460 | 51,2% | |
| 16 | Hưng Yên | 40.300.732 | 20.536.402 | 51,0% | |
| 17 | Quảng Ninh | 11.906.177 | 5.938.065 | 49,9% | |
| 18 | Thành phố Hà Nội | 87.130.263 | 41.535.972 | 47,7% | |
| 19 | Điện Biên | 3.829.938 | 1.816.265 | 47,4% | |
| 20 | Quảng Ngãi | 7.983.889 | 3.769.191 | 47,2% | |
| 21 | Thành phố Đà Nẵng | 17.215.562 | 7.924.502 | 46,0% | |
| 22 | An Giang | 21.683.302 | 9.154.539 | 42,2% | |
| 23 | Cà Mau | 10.705.531 | 4.487.122 | 41,9% | |
| 24 | Đồng Nai | 31.926.914 | 13.212.755 | 41,4% | Nếu không tính số kế hoạch vốn của dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa - Chơn Thành được Quốc hội cho phép kéo dài thời gian giải ngân đến hết năm 2026 (Nghị quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024) là 8.036,5 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân của tỉnh đạt 55,3% |
| 25 | Khánh Hoà | 16.087.128 | 6.643.017 | 41,3% | |
| 26 | Đắk Lắk | 14.554.730 | 5.696.861 | 39,1% | |
| 27 | Quảng Trị | 12.454.639 | 4.789.654 | 38,5% | |
| 28 | Vĩnh Long | 17.011.857 | 6.475.800 | 38,1% | |
| 29 | Cần Thơ | 28.883.933 | 10.236.748 | 35,4% | |
| 30 | Cao Bằng | 8.646.760 | 3.011.446 | 34,8% | |
| 31 | Tuyên Quang | 11.779.592 | 3.786.834 | 32,1% | |
| 32 | Lâm Đồng | 16.033.099 | 5.114.676 | 31,9% | |
| 33 | Sơn La | 7.287.825 | 1.773.321 | 24,3% | |
| 34 | Lai Châu | 4.029.778 | 930.079 | 23,1% | |
| 35 | Ban quản lý KCNC Hòa Lạc | 563.197 | - | 0,0% | |